

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NÔNG NGHIỆP BAF  
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53./2022/CBTT-BAF

Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2022

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước**

**- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM.**

- Mã chứng khoán: BAF

- Địa chỉ: 62 đường Song Hành, Xã lộ Hà Nội, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: 0766 074 787

- E-mail: Congbothongtin@baf.vn

2. Nội dung thông tin công bố : *Công bố Báo cáo tài chính Tổng hợp Quý III năm 2022 (Chi tiết xem trong file gửi kèm).*

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/10/2022 tại đường dẫn <http://baf.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

**Tài liệu đính kèm:**

*Báo cáo tài chính Tổng hợp Quý  
III- 2022*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*



*Bùi Hương Giang*

# **Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam**

Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 3

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.480.202.609.426</b>	<b>4.292.983.590.561</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>91.891.961.140</b>	<b>113.989.076.918</b>
111	1. Tiền		91.891.961.140	101.989.076.918
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	12.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>100.000.000.000</b>	<b>57.182.666.667</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	65.097.500.000
122	2. Dự phòng chứng khoán		-	(7.914.833.333)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	100.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.891.268.683.878</b>	<b>3.075.128.335.220</b>
131	1. Phải thu của khách hàng	6	1.170.799.208.749	2.813.040.379.237
132	2. Trả trước cho người bán	7	292.891.226.006	30.804.571.227
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.1	339.580.823.034	188.918.714.983
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	87.909.774.837	42.278.011.771
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		87.651.252	86.658.002
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>1.387.983.265.971</b>	<b>1.039.888.701.313</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.387.983.265.971	1.039.888.701.313
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>9.058.698.437</b>	<b>6.794.810.443</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10.1	9.058.698.437	6.794.810.443
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.399.383.383.861</b>	<b>1.173.176.892.257</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>70.743.101.892</b>	<b>82.600.809.256</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8.2	7.253.101.892	17.110.809.256
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	63.490.000.000	65.490.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>311.595.130.112</b>	<b>301.203.870.226</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	130.172.255.649	119.615.650.189
222	Nguyên giá		175.175.323.415	157.484.012.801
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(45.003.067.766)	(37.868.362.612)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	181.422.874.463	181.588.220.037
228	Nguyên giá		182.195.526.000	182.095.526.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(772.651.537)	(507.305.963)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>14.715.611.158</b>	<b>14.912.916.682</b>
231	1. Nguyên giá	14	15.175.990.712	15.175.990.712
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(460.379.554)	(263.074.030)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>44.926.762.099</b>	<b>11.239.203.104</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	44.926.762.099	11.239.203.104
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5.2</b>	<b>902.839.018.130</b>	<b>697.584.557.710</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		904.959.150.000	650.380.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		44.383.824.894	64.024.187.416
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư		(46.503.956.764)	(16.819.629.706)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>54.563.760.470</b>	<b>65.635.535.279</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10.2	54.563.760.470	65.635.535.279
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.879.585.993.287</b>	<b>5.466.160.482.818</b>


# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán Quý 3


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.201.782.022.170</b>	<b>4.029.079.718.235</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.891.266.422.170</b>	<b>4.029.079.718.235</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	2.196.759.188.029	3.780.215.172.325
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	250.267.610.391	1.445.709.084
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	45.405.240.062	14.511.587.250
314	4. Phải trả người lao động		9.032.972.166	9.352.878.141
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		13.194.417.072	2.548.750.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	59.527.061.300	59.998.560.435
320	7. Vay ngắn hạn	20.1	317.079.933.150	161.007.061.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>310.515.600.000</b>	<b>-</b>
338	1. Vay và nợ tài chính dài hạn	20.2	310.515.600.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.677.803.971.117</b>	<b>1.437.080.764.583</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.677.803.971.117</b>	<b>1.437.080.764.583</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	21	1.435.200.000.000	780.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	279.844.500.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	242.603.971.117	377.236.264.583
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.880.764.583	65.706.243.800
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ nay		240.723.206.534	311.530.020.783
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.879.585.993.287</b>	<b>5.466.160.482.818</b>

  
Nguyễn Huỳnh Thanh Mai  
Người lập

  
Ngô Cao Cường  
Kế toán trưởng



  
Bùi Hương Giang  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2022

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

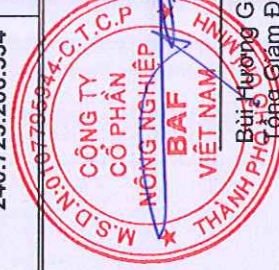
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3 – 2022	Quý 3 - 2021	Từ 01.01.2022 tới 30.09.2022	Từ 01.01.2021 tới 30.09.2021
01	Doanh thu về bán hàng	22.1	2.034.289.266.933	3.821.876.367.146	4.959.730.380.322	9.105.518.758.503
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(123.341.250)	(306.019.225)	(994.878.082)	(417.369.286)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	2.034.165.925.683	3.821.570.347.921	4.958.735.502.240	9.105.101.389.217
11	Giá vốn hàng bán	23	(1.851.347.812.337)	(3.752.658.646.631)	(4.564.201.305.721)	(8.764.732.541.922)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng		182.818.113.346	68.911.701.290	394.534.196.519	340.368.847.295
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	5.128.271.695	3.003.416.033	13.565.490.368	6.711.684.404
22	Chi phí tài chính	24	(5.808.164.266)	(1.238.498.629)	(31.791.251.856)	(6.063.258.015)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.845.696.518)	(1.238.498.629)	(9.335.048.772)	(2.567.030.136)
25	Chi phí bán hàng	24	(22.634.019.854)	(3.405.373.638)	(46.870.875.446)	(8.255.281.120)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(18.393.787.053)	(13.156.549.509)	(53.859.029.379)	(33.951.023.909)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		141.110.413.868	54.114.695.547	275.578.530.206	298.810.968.655
31	Thu nhập khác		12.855.793.103	1.055.737.118	14.875.788.240	2.535.248.530
32	Chi phí khác		(798.792.908)	(2.600.955.730)	(1.366.720.695)	(2.947.988.695)
40	Lợi nhuận (lỗ) khác		12.057.000.195	(1.545.218.612)	13.509.067.545	(412.740.165)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		153.167.414.063	52.569.476.935	289.087.597.751	298.398.228.490
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(23.660.344.576)	(8.602.004.977)	(48.364.391.217)	(52.593.772.135)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		129.507.069.487	43.967.471.958	240.723.206.534	245.804.456.355

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Huỳnh Thanh Mai  
Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2022

Ngô Cao Cường  
Kế toán trưởng



Bùi Cường Giang  
Tổng Giám Đốc

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

VND

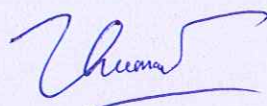
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01.01.2022 tới 30.09.2022	Từ 01.01.2021 tới 30.09.2021
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>289.087.597.751</b>	<b>298.398.228.489</b>
	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		14.594.427.701	18.434.468.815
03	Các khoản dự phòng		21.769.493.725	-
05	(Lỗ) lãi từ hoạt động đầu tư		(17.227.343.567)	(12.667.436.289)
06	Chi phí lãi vay	24	9.335.048.772	2.567.030.136
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>317.559.224.382</b>	<b>306.732.291.151</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.346.379.466.757	(1.213.796.789.386)
10	Tăng hàng tồn kho		(348.094.564.658)	(156.872.682.153)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.353.328.635.989)	1.313.497.410.117
12	Giảm chi phí trả trước		8.807.886.815	5.239.443.533
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		65.097.500.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(9.335.048.772)	(165.698.629)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.816.671.695)	(11.613.593.800)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>9.269.156.840</b>	<b>243.020.380.833</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(43.289.080.516)	(112.920.987.169)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản		28.894.748.252	15.467.080.500
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(250.662.108.051)	(61.601.272.121)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		21.680.845.547	(107.630.801.949)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết		(254.579.150.000)	(401.280.000.000)
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(497.954.744.768)</b>	<b>(667.965.980.739)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	560.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		575.811.672.150	166.200.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(109.223.200.000)	(57.800.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>466.588.472.150</b>	<b>668.400.000.000</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01.01.2022 tới 30.09.2022	Từ 01.01.2021 tới 30.09.2021
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(22.097.115.778)	243.454.400.094
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		113.989.076.918	7.411.278.258
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	91.891.961.140	250.865.678.352



Nguyễn Huỳnh Thanh Mai  
Người lập



Ngô Cao Cường  
Kế toán trưởng



Bùi Hương Giang  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2022

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### I. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107795944 ngày 07 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 16 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 16 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2022.

**1.1 Lĩnh vực kinh doanh** : Chăn nuôi, Thương mại, sản xuất, dịch vụ,

**1.2 Ngành nghề kinh doanh** :  
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm:  
+ Buôn bán hàng nông sản: ngô, lúa mì, khô đậu tương...  
+ Chăn nuôi hỗn hợp  
+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi (cám)

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

#### 1.4 Cấu trúc Công ty – Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Thôn Kinh tế 2, Xã Eatrol, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Thôn Jang Pông, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành	Tổ 3, Ấp Thạnh Trung, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh	Ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	Ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Thửa đất 5,6,7,8, tờ bản đồ 109 xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,40%	99,40%



## Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc cùng ngày

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hinh	Buôn Thung, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh	Lô A20, Đường N8B, KCN Thành Thành Công, Phường An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,00%	99,00%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định	Lô E5, khu công nghiệp Nhơn Hòa, khu vực Tân Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước	Lô B1 KCN Minh Hưng – Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng	Tổ 6, Ấp 4, Xã Suối Ngô, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	99,9%	99,9%
Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu	Ấp Kà Ót, Xã Tân Đông, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,9%	99,9%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại XNK Thiên Phú Sơn	Tổ 7, Khu phố Tân Trà 1, Phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%

### 1.5 Công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Myanmar BAF Joint Venture Company Limited	A1 Street, No.148W, 5 Ward, Mayangone Township, Yangoon, Myanmar	Chăn nuôi	9,90%	9,90%
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	41 Song Hành, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	Bán lẻ	15,00%	15,00%

### 1.6 Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 101, khu phố Đông, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. MST: 0107795944-001
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam MST : 0107795944-003

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh Hòa Bình 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Xóm Quê Sụ, xã Cao Rằm, Lương Sơn, Hòa Bình. MST : 0107795944-001
Địa điểm kinh doanh Vĩnh Phúc 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Nhật Chiêu 7, xã Châu Liêm, Yên Lạc, Vĩnh Phúc MST : 0107795944-002
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Quảng Trung, xã Thạch Quảng, Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam MST : 0107795944-003
Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 2 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Đông Thuận, xã Tân Hà, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam MST : 0107795944-004
Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn 3, xã Tân Hà, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam MST : 0107795944-005
Địa điểm kinh doanh Bình Phước - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Ấp Tân Phú, xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam MST : 0107795944-007
Địa điểm kinh doanh Bình Dương - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 8, đường Hiếu Liêm 20, ấp cây Dâu, xã Hiếu Liêm, Huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam MST : 0107795944-008
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Đồng Nai	Tổ 5, đường Hồ Xuân Hương, Khu phố 6, Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam MST : 0107795944-005
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Hà Nội	Cụm Công Nghiệp Bích Hòa, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam MST : 0107795944-004

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND").

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 3.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3.4 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh*

##### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Heo nọc, Heo nái*

Bao gồm các chi phí phát sinh liên quan heo nọc, heo nái cho đến khi heo đủ điều kiện phối giống, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi Heo được đưa vào phối giống

Khi heo chết, dịch bệnh toàn bộ chi phí trả trước sẽ được phân bổ vào giá vốn trong năm.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm

#### *Tiền thuê đất trả trước 1 lần*

Là khoản nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại các Công ty con hoạt động Trang trại chăn nuôi heo. Thời gian phân bổ theo thời gian sử dụng đất đã được phê duyệt trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

### 3.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 10
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác (Heo)	04

### 3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.9 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

### 3.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

#### ***Nhãn hiệu, tên thương mại***

Nguyên giá của nhãn hiệu là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nhận diện thương hiệu cơ bản được hoàn thành. Nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 3.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 3.13 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.14 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố..

### 3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 3.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *a) Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *b) Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập (tiếp theo)

#### *c) Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 3.17 Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

### 3.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 3.19 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 3.20 Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.20 Thuế (tiếp theo)

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty là Thuế áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 3.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm, thực hiện theo nguyên tắc giá thị trường, được trình bày ở thuyết minh số 28.

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	1.262.313.795	20.732.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	90.629.647.345	101.968.344.918
Các khoản tương đương tiền	-	12.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.891.961.140</b>	<b>113.989.076.918</b>

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### 5.1 Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và hưởng lãi suất dao động từ 5,1% đến 5,5% một năm.

#### 5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>904.959.150.000</b>	<b>(45.623.698.700)</b>	<b>650.380.000.000</b>	<b>(15.939.371.642)</b>
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	50.000.000.000	(8.365.211.026)	50.000.000.000	(2.018.873.662)
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	20.000.000.000	(10.769.046.237)	20.000.000.000	(8.289.462.385)
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	49.000.000.000	-	49.000.000.000	-
Công ty TNHH SX TM DV Bắc An Khánh	39.200.000.000	(1.767.998.833)	39.200.000.000	(684.202.636)
Công ty TNHH SX TM DV Đông An Khánh	19.600.000.000	(1.179.557.651)	19.600.000.000	(352.357.226)
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	19.600.000.000	(1.340.459.142)	19.600.000.000	(378.208.635)
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	39.200.000.000	(4.998.717.398)	39.200.000.000	(2.423.825.974)
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	19.600.000.000	(713.964.932)	19.600.000.000	(449.613.169)
Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	119.280.000.000	(340.898.356)	119.280.000.000	(644.740.371)
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh	148.500.000.000	(15.760.426.756)	148.500.000.000	(698.087.584)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định	78.400.000.000	-	78.400.000.000	-
Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước	120.000.000.000	(387.418.369)	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng	40.809.150.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu	29.970.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại XNK Thiên Phú Sơn	63.800.000.000	-	-	-

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc cùng ngày

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>	<b>44.383.824.894</b>	<b>(880.258.064)</b>	<b>64.024.187.416</b>	<b>(880.258.064)</b>
Myanmar BAF Joint Venture Company Limited	14.983.824.894	-	34.624.187.416	-
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	29.400.000.000	(880.258.064)	29.400.000.000	(880.258.064)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>949.342.974.894</b>	<b>(46.503.956.764)</b>	<b>714.404.187.416</b>	<b>(16.819.629.706)</b>

### 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu từ các bên liên quan ( <i>thuyết minh 28</i> )	238.815.420.448	115.131.340.977
Phải thu từ các bên khác	931.983.788.301	2.697.909.038.260
<i>Công ty TNHH KD TM và PT DV Sơn La</i>	199.262.788.580	530.954.129.580
<i>Khác</i>	732.720.999.721	2.166.954.908.680
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.170.799.208.749</b>	<b>2.813.040.379.237</b>

### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu từ các bên khác	292.891.226.006	30.804.571.227
<i>Công ty cổ phần HUM</i>	141.582.089.050	-
<i>Công ty cổ phần nông nghiệp Kiến Nông</i>	120.323.637.400	-
<i>Khác</i>	30.985.499.556	30.804.571.227
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>292.891.226.006</b>	<b>30.804.571.227</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

### 8.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>339.580.823.034</b>	<b>188.918.714.983</b>
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	94.290.000.000	10.300.000.000
Công ty TNHH SX TM DV Đông An Khánh	63.697.538.000	4.287.845.000
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	51.288.217.000	86.638.217.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	43.500.000.000	7.600.000.000
Công ty TNHH SX TM DV Bắc An Khánh	35.876.462.000	32.066.462.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	26.538.606.034	23.008.606.034
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2	15.190.000.000	-
Công ty TNHH SX TM XNK Thiên Phú Sơn	5.300.000.000	-
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	3.900.000.000	25.017.584.949
<b>Cộng</b>	<b>339.580.823.034</b>	<b>188.918.714.983</b>

### 8.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	VND			
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà	1.953.410.361	-	3.587.177.317	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh	203.283.883	-	756.669.707	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thái Sơn Thư	863.000.000	-	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hối	1.483.407.648	-	2.791.962.232	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn	2.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH chăn nuôi Công Minh Hòa Hối	750.000.000	-	975.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.253.101.892</b>	<b>-</b>	<b>17.110.809.256</b>	<b>-</b>

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc cùng ngày

### 9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>87.909.774.837</b>	<b>42.278.011.771</b>
Phải thu bên liên quan (thuyết minh 28)	79.137.991.809	28.898.244.857
Phải thu từ các bên khác	8.771.783.028	13.379.766.914
<b>Dài hạn</b>	<b>63.490.000.000</b>	<b>65.490.000.000</b>
Đặt cọc tiền thuê trại	62.970.000.000	62.970.000.000
Phải thu khác	520.000.000	2.520.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>151.399.774.837</u></b>	<b><u>107.768.011.771</u></b>

### 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

#### 10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

#### 10.2 Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Heo nái, heo nọc	48.591.086.292	59.432.388.162
Công cụ dụng cụ	5.972.674.178	6.203.147.117
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>54.563.760.470</u></b>	<b><u>65.635.535.279</u></b>

### 11. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	747.383.374.683	569.890.261.773
Hàng hóa	599.059.043.113	423.613.384.286
Nguyên liệu, vật liệu	29.062.514.341	32.309.227.929
Thành phẩm	6.052.574.717	9.042.895.226
Công cụ, dụng cụ	5.585.601.737	4.552.595.623
Hàng mua đang đi đường	840.157.380	480.336.476
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.387.983.265.971</u></b>	<b><u>1.039.888.701.313</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>1.387.983.265.971</u></b>	<b><u>1.039.888.701.313</u></b>

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	55.024.111.999	48.641.568.091	21.072.443.634	1.539.830.447	31.206.058.630	157.484.012.801
Mua mới	1.875.855.856	802.659.450	-	-	-	2.678.515.306
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ dang	10.927.977.188	2.792.092.401	25.684.261.394	226.804.710	44.372.801	39.675.508.494
Thanh lý trong kỳ	(1.722.000.000)	(2.702.874.892)	-	-	(20.237.838.294)	(24.662.713.186)
Số cuối kỳ	66.105.945.043	49.533.445.050	46.756.705.028	1.766.635.157	11.012.593.137	175.175.323.415
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Số đầu kỳ	(11.316.811.003)	(9.293.213.795)	(5.909.964.009)	(613.467.008)	(10.734.906.797)	(37.868.362.612)
Khấu hao trong kỳ	(7.762.387.695)	(2.295.323.168)	(2.541.003.789)	(239.745.584)	(1.293.316.367)	(14.131.776.603)
Thanh lý trong kỳ	2.314.516	58.098.753	-	-	6.936.658.180	6.997.071.449
Số cuối kỳ	(19.076.884.182)	(11.530.438.210)	(8.450.967.798)	(853.212.592)	(5.091.564.984)	(45.003.067.766)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	43.707.300.996	39.348.354.296	15.162.479.625	926.363.439	20.471.151.833	119.615.650.189
Số cuối kỳ	47.029.060.861	38.003.006.840	38.305.737.230	913.422.565	5.921.028.153	130.172.255.649



## Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	180.849.310.000	1.246.216.000	182.095.526.000
Mua trong năm	-	100.000.000	100.000.000
Số cuối kỳ	<u>180.849.310.000</u>	<u>1.346.216.000</u>	<u>182.195.526.000</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu kỳ	-	(507.305.963)	(507.305.963)
Hao mòn trong năm	-	(265.345.574)	(265.345.574)
Số cuối kỳ	-	<u>(772.651.537)</u>	<u>(772.651.537)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	<u>180.849.310.000</u>	<u>738.910.037</u>	<u>181.588.220.037</u>
Số cuối kỳ	<u>180.849.310.000</u>	<u>573.564.463</u>	<u>181.422.874.463</u>

### 14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	15.175.990.712	(263.074.030)	14.912.916.682
Tăng trong kỳ	-	(197.305.524)	(197.305.524)
Số cuối kỳ	<u>15.175.990.712</u>	<u>(460.379.554)</u>	<u>14.715.611.158</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty gồm:

+ Căn hộ chung cư số 1407, diện tích 172,2 m<sup>2</sup> tại Khu D, khu phức hợp Mandarin Garden, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 333969 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà nội cấp ngày 14/11/2017, nguyên giá là 1.065.760.712 VND. Các Bất động sản này Công ty mua với mục đích chờ tăng giá để bán nên không khấu hao.

+ Bất động sản đầu tư là sàn văn phòng ô số 4, tầng 12A, diện tích 389.7 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 505014 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà nội cấp ngày 07/02/2020, nguyên giá là 14.110.230.000 VND. Bất động sản này Công ty đã chuyển từ Bất động sản chờ tăng giá sang cho thuê.

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đây là chi phí xây dựng, mua sắm lắp đặt máy móc thiết bị tại các nhà máy sản xuất và các trại chăn nuôi. Thông tin chi tiết như sau

	VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Lắp đặt máy móc thiết bị	2.751.712.665	7.447.460.490
Xây dựng công trình	42.175.049.434	3.791.742.614
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>44.926.762.099</u></b>	<b><u>11.239.203.104</u></b>

### 16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả các bên liên quan (thuyết minh 28)	107.807.014.007	16.439.618.924
Phải trả cho bên khác	2.088.952.174.022	3.763.775.553.401
<i>Công ty Cổ phần Nông Nghiệp An Điền</i>	377.594.798.200	7.016.077.453
<i>Công ty Cổ phần Nông sản TZAN Quốc Tế</i>	288.293.844.100	438.557.808.100
<i>Công ty Cổ phần Nông Sản Mogb Quốc Tế</i>	80.382.058.100	617.171.520.673
<i>Khác</i>	1.342.681.473.622	2.701.030.147.175
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.196.759.188.029</u></b>	<b><u>3.780.215.172.325</u></b>

### 17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Việt Phi	180.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Bảo Lâm	62.723.236.500	-
Trả trước từ các bên khác	7.545.423.391	1.446.549.834
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>250.267.610.391</u></b>	<b><u>1.445.709.084</u></b>

### 18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 9 năm 2022
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	130.033.980	1.002.314.677	(793.027.179)	339.321.478
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.357.962.361	48.364.391.217	(17.816.671.695)	44.905.681.883
Thuế giá trị gia tăng	23.590.909	258.579.180	(121.933.388)	160.236.701
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.511.587.250</u></b>	<b><u>49.625.285.074</u></b>	<b><u>(18.731.632.262)</u></b>	<b><u>45.405.240.062</u></b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

### Thuế giá trị gia tăng

Đối với hoạt động bán sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: Không phải kê khai tính nộp thuế GTGT, đối với các hoạt động khác: 10%

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả các bên liên quan (thuyết minh 28)	36.202.852.375	26.530.187.925
Phải trả các bên khác	23.324.208.925	33.468.372.510
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>59.527.061.300</u></b>	<b><u>59.998.560.435</u></b>

## 20. VAY

### 20.1 Vay ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Vay ngân hàng	196.897.672.150	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	196.897.672.150	-
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	7.675.200.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	7.675.200.000	-
Vay ngắn hạn liên quan (thuyết minh số 28)	<u>112.507.061.000</u>	<u>161.007.061.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>317.079.933.150</u></b>	<b><u>161.007.061.000</u></b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 20. VAY

### 20.2 Vay dài hạn

	Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>10.515.600.000</b>	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	10.515.600.000	-
<b>Trái phiếu thường dài hạn</b>	<b>300.000.000.000</b>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>310.515.600.000</b>	-

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2021</b>				
Số dư đầu kỳ	500.000.000.000	-	65.706.243.800	565.706.243.800
Tăng vốn trong kỳ	280.000.000.000	279.844.500.000	-	559.844.500.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	245.804.456.355	245.804.456.355
Số dư cuối kỳ	<u>780.000.000.000</u>	<u>279.844.500.000</u>	<u>311.510.700.155</u>	<u>1.371.355.200.155</u>
<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022</b>				
Số dư đầu kỳ	780.000.000.000	279.844.500.000	377.236.264.583	1.437.080.764.583
Tăng vốn trong kỳ	655.200.000.000	(279.844.500.000)	(375.355.500.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	240.723.206.534	240.723.206.534
Số dư cuối kỳ	<u>1.435.200.000.000</u>	-	<u>242.603.971.117</u>	<u>1.677.803.971.117</u>

### 21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	294.216.000.000	20,50%	-	-
Bà Bùi Hương Giang	190.210.000.000	13,35%	103.375.000.000	13,25%
Ông Phan Ngọc Ân	90.712.000.000	6,32%	49.550.000.000	6,35%
Các cổ đông khác	860.062.000.000	59,93%	627.075.000.000	80,40%
<b>Cộng</b>	<u>1.435.200.000.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>780.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 22. DOANH THU

### 22.1 Doanh thu về bán hàng

	VND	
	Từ 01.01.2022 tới 30.09.2022	Từ 01.01.2021 tới 30.09.2021
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.958.735.502.240</b>	<b>9.105.101.389.217</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán nông sản</i>	<i>3.932.851.853.568</i>	<i>8.565.752.135.492</i>
<i>Doanh thu hoạt động chăn nuôi</i>	<i>1.024.897.402.597</i>	<i>528.028.391.565</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>986.246.075</i>	<i>11.320.862.160</i>

### 22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Từ 01.01.2022 tới 30.09.2022	Từ 01.01.2021 tới 30.09.2021
Lãi cho vay và tiền gửi	11.201.088.451	6.702.165.027
Lãi từ đầu tư chứng khoán	2.040.483.025	-
Khác	323.918.892	9.519.377
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.565.490.368</u></b>	<b><u>6.711.684.404</u></b>

## 23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Từ 01.01.2022 tới 30.09.2022	Từ 01.01.2021 tới 30.09.2021
Giá vốn nông sản	3.820.345.209.551	8.407.540.939.972
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	743.221.864.705	346.547.855.376
Giá vốn khác	634.231.465	10.643.746.574
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.564.201.305.721</u></b>	<b><u>8.764.732.541.922</u></b>

## 24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Từ 01.01.2022 tới 30.09.2022	Từ 01.01.2021 tới 30.09.2021
Lãi vay	9.335.048.772	2.567.030.136
Dự phòng các khoản đầu tư	22.456.203.084	3.496.227.879
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.791.251.856</u></b>	<b><u>6.063.258.015</u></b>

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Từ 01.01.2022 tới 30.09.2022	Từ 01.01.2021 tới 30.09.2021
Chi phí vận chuyển	24.137.153.485	4.387.423.298
Chi phí nhân viên	14.221.489.585	1.406.402.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	8.512.232.376	2.461.455.004
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>46.870.875.446</u></b>	<b><u>8.255.281.120</u></b>

### 26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Từ 01.01.2022 tới 30.09.2022	Từ 01.01.2021 tới 30.09.2021
Chi phí nhân viên	35.322.016.233	22.032.384.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.292.658.798	9.419.116.649
Chi phí khấu hao	1.042.439.893	1.004.184.321
Khác	7.201.914.455	1.495.338.194
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.859.029.379</u></b>	<b><u>33.951.023.909</u></b>

### 27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Từ 01.01.2022 tới 30.09.2022	Từ 01.01.2021 tới 30.09.2021
<b>Thu nhập khác</b>	<b>14.875.788.240</b>	<b>2.535.248.530</b>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	14.545.972.521	2.306.245.973
Các khoản khác	329.815.719	229.002.557
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.366.720.695)</b>	<b>(2.947.988.695)</b>
Các khoản phạt	(39.073.394)	-
Chi phí khác	(1.327.647.301)	(2.947.988.695)
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN</b>	<b><u>13.509.067.545</u></b>	<b><u>(412.740.165)</u></b>

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ DV Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty con	Cho vay và lãi	9.326.460.344	25.017.584.949
		Phải thu bán hàng	124.293.033.152	-
		Phải trả mua hàng	79.693.806.905	15.007.644.448
		Phải trả khác	33.039.898.950	55.733.144.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Công ty con	Cho vay và lãi	28.826.689.690	23.008.606.034
		Ứng trước tiền thuê trại	2.238.000.000	-
		Phải trả tiền thuê	-	220.000.000
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty con	Cho vay và lãi vay	98.267.748.493	11.854.772.603
		Phải thu bán hàng	36.897.120.548	-
		Phải trả mua hàng	5.311.090.339	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty con	Cho vay và lãi vay	37.029.392.876	27.485.747.945
		Phải thu khác	4.866.462.000	4.866.462.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Công ty con	Cho vay và lãi vay	65.561.194.740	1.900.000.000
		Phải thu khác	2.387.845.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nam An Khánh	Công ty con	Cho vay và lãi vay	45.076.241.097	7.792.591.780
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	Công ty con	Cho vay và lãi vay	55.368.348.505	67.648.619.739
		Phải trả mua hàng	31.297.000	-

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	Công ty con	Cho vay và Phải trả khác	15.288.245.479 -	- 2.460.000.000
Công ty cổ phần Nông Nghiệp BaF Bình Định	Công ty con	Đi vay Phải trả lãi vay	69.585.119.000 4.372.362.328	68.785.119.000 1.252.832.877
Công ty cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Công ty con	Đi vay Phải thu lãi cho vay	8.621.942.000 256.438.355	23.721.942.000 -
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh	Công ty con	Đi vay Phải trả lãi vay	39.300.000.000 3.755.424.659	43.300.000.000 1.910.120.548
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh	Công ty con	Phải trả mua hàng Phải thu bán hàng	22.770.819.763 14.972.376.164	- -
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	Công ty liên kết	Bán thành phẩm Phải thu khác	62.652.890.584 31.523.385.742	11.175.437.524 -
BAF Myanmar Joint Stock Venture	Công ty liên kết	Phải thu khác	19.640.362.522	-

Nguyễn Huỳnh Thanh Mai  
Người lập

Ngô Cao Cường  
Kế toán trưởng



Bùi Hương Giang  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

Số: 30.10/BAF-CV

V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên  
BCTC tổng hợp quý III/2022 so với cùng  
kỳ năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2022*

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

Tại Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III năm 2022 của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)	Chênh lệch tăng/ giảm (+/-) 2022 so với 2021	
			Số tiền ( VND)	%
Lợi nhuận sau thuế Quý III	129.507.069.487	43.967.471.958	85.539.597.529	194,6%
Lợi nhuận sau thuế lũy kế 9 tháng	240.723.206.534	245.804.456.355	(5.081.249.821)	(2,1%)

Nguyên nhân biến động lợi nhuận giữa 2 năm là do nguyên nhân sau:

Như chiến lược đã đề ra, mảng kinh doanh chăn nuôi theo mô hình khép kín vẫn sẽ là mảng kinh doanh chủ lực của Công ty. Với kết quả tích cực trong thời gian triển khai vừa qua đã cho thấy được sự đúng đắn trong chiến lược. Vì vậy, Công ty sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực để mở rộng phát triển tăng trưởng nhanh và mạnh mẽ hơn nữa theo sát lộ trình đã đề ra đến năm 2030. Trong 9 tháng đầu năm nay, sản lượng và doanh thu mảng kinh doanh chăn nuôi theo mô hình khép kín đã tăng trưởng mạnh hơn 95% so với cùng kỳ năm trước do cơ cấu đàn dần đi vào ổn định, và các trại mới đã đi vào vận hành. Bên cạnh đó, giá bán heo trung bình trong Quý 3 cũng tăng 21% so với năm trước. Đây là động lực chính cấu thành nên tăng trưởng kết quả lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước. Riêng với mảng kinh doanh thương mại nông sản thuần túy cũng sẽ thu hẹp dần theo đúng chủ đích nhằm tối ưu nguồn lực cho hoạt động chính.


Theo đó, dù hoạt động kinh doanh thương mại thuần túy giảm theo chiến lược công ty kết quả lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn tăng trưởng tích cực như sau: Lợi nhuận sau thuế quý 3/2022 đạt 129 tỷ đồng, tăng 194% so với cùng kỳ năm 2021; Lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2022 đạt 240 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2021.



Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.  
Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu PKT, HC.

  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Bùi Hương Giang**

